

Sách Giô-ên và Giáo Hội Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy La-ô-đi-xê - Số 16

Jeff Pippenger

2025-12-22

Số mười sáu

Xin lỗi vì quá nhiều lời trước khi đi vào chủ đề chính. Tôi muốn đặt trước một số đường hướng tiên tri nhất định, là những thành tố quan trọng của lập luận mà tôi dự định vận dụng khi chúng ta trực tiếp xem xét sách Giô-ên. Trước đây tôi đã đề cập rằng từ tiếng Hê-bơ-rơ được dịch là “cắt đứt” trong sách Giô-ên bắt nguồn từ phương thức tế lễ dùng để lập một giao ước vào thời Áp-ra-ham.

Hỡi những kẻ say rượu, hãy tỉnh dậy và khóc; hỡi hết thảy những kẻ uống rượu, hãy kêu la vì rượu mới; vì nó đã bị cắt khỏi miệng các người. Giô-ên 1:5.

Từ "cắt đứt" trong tiếng Hê-bơ-rơ là H3772, và đó là một gốc từ nguyên thủy, có nghĩa là 'cắt (đứt, đốn hạ hoặc chẻ ra); theo hàm ý là phá hủy hoặc tiêu hao; cụ thể là lập giao ước (tức là lập liên minh hoặc giao kèo, nguyên thủy là bằng cách cắt thịt và đi qua giữa các phần)'.

Tôi nhận ra rằng định nghĩa của Strong về “cut off” gọi nó là một “gốc từ nguyên thủy” theo nghĩa ngữ pháp. Nói như vậy, việc cắt gắn liền với giao ước và Abraham cho thấy ánh sáng của giao ước gắn với từ ấy, và ánh sáng ấy được bày tỏ ở gốc lịch sử nguyên thủy của nó. “Cut”, xét theo lịch sử giao ước, là một biểu tượng tiên tri dựa trên gốc rễ nguyên thủy của nó, và về mặt ngữ pháp, nó cũng được xác định là một gốc từ nguyên thủy.

Lời tuyên bố ở câu 5 không chỉ xác định rằng họ không có sự điệp về mưa muông, được biểu trưng bởi “rượu mới”, mà còn rằng họ bị khước từ “ngay khi ấy, tại đó” với tư cách là dân giao ước của Đức Chúa Trời, một dân giao ước truy nguyên “cội rễ nguyên sơ” của mình về tận Áp-ra-ham.

Thế hệ đã chết trong đồng vắng suốt bốn mươi năm, truy nguyên gốc rễ ban sơ của họ về đến Áp-ra-ham, nghĩa là cha của nhiều dân tộc. Thế hệ đã vào Đất Hứa cùng với Giô-suê, truy nguyên gốc rễ ban sơ của họ về đến Áp-ra-ham. Những người Do Thái đã đóng đinh Đấng Christ truy nguyên gốc rễ ban sơ của họ về đến Áp-ra-ham. Những người Tin Lành ra khỏi Thời kỳ Tăm Tối, và sau đó được thử luyện và được công nhận là dân giao ước được Đức Chúa Trời chọn vào năm 1844, truy nguyên gốc rễ ban sơ của họ về đến Áp-ra-ham. Phong trào Millerite Phi-la-đen-phi, vốn đã bước vào Nơi Chí Thánh vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, truy nguyên gốc rễ ban sơ của họ về đến Áp-ra-ham. Phong trào Millerite La-ô-đi-xê, đã xây lại Giê-ri-cô vào năm 1863, truy nguyên gốc rễ ban sơ của họ về đến Áp-ra-ham. Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy La-ô-đi-xê, sẽ bị nhổ ra khỏi miệng của Chúa khi luật ngày Chủ nhật sắp đến, truy nguyên gốc rễ ban sơ của họ về đến Áp-ra-ham. Tất cả những thế hệ ấy đã, hoặc sẽ, ứng nghiệm dụ ngôn về vườn nho.

Những kẻ say rượu trong sách Giô-ên tinh dậy và nhận ra rằng họ đã bị khước từ với tư cách là dân của Đức Chúa Trời, và rằng họ không có sứ điệp về mưa muộn. Vậy thì điều ngược lại là đúng. Những người mà Giô-ên xác định là đội “vương miện vinh hiển” thì bước vào giao ước, được ấn chứng và được dâng lên như một của lễ. Giao ước đầu tiên được phê chuẩn giữa Đức Chúa Trời và một dân được chọn đã khởi đầu bằng cùng một “sự cắt” được biểu trưng trong sự hy sinh cuối cùng của dân Đức Chúa Trời, vốn bắt đầu tại đạo luật Chủ nhật. Sự cắt ấy là sự phân rẽ giữa lúa mì và cỏ lùng. Cỏ lùng bị khước từ và ném vào lửa, còn lúa mì được bó lại như của lễ đầu mùa lúa mì trong Lễ Ngũ Tuần, rồi được dâng lên, “như trong những năm trước kia.”

Có bốn chỗ thường được chỉ ra để đại diện cho giao ước của Áp-ra-ham. Trong Sáng Thế Ký 12, Áp-ra-ham được “kêu gọi” và được ban lời hứa sẽ làm cho ông trở nên một dân lớn. Đây không phải là một phần của giao ước, nhưng đó là sự kêu gọi kèm theo lời hứa. Vào thời điểm đó, tên ông là Áp-ram, vì một trong những dấu hiệu của mỗi quan hệ giao ước là sự đổi tên. Tên Áp-ram được đổi ở bước thứ ba trong bốn bước của giao ước.

Vì khi Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham, vì Ngài không thể thề bởi ai lớn hơn, nên Ngài đã thề bởi chính mình Ngài, rằng: Chắc chắn Ta sẽ ban phước cho ngươi, và sẽ khiến ngươi gia tăng bội phần. Như vậy, sau khi ông đã kiên nhẫn chịu đựng, ông đã nhận được lời hứa. Vì người ta thật lấy đáng lớn hơn mà thề; và lời thề để xác nhận trở thành sự kết thúc của mọi tranh cãi đối với họ. Bởi đó, Đức Chúa Trời, muốn bày tỏ cách dồi dào cho những người thừa hưởng lời hứa biết sự bất biến trong ý định của Ngài, đã xác nhận điều ấy bằng một lời thề, để bởi hai điều bất biến, trong đó Đức Chúa Trời không thể nói dối, chúng ta—là những người đã chạy đến nương náu để nắm lấy niềm hy vọng đặt trước mặt mình—được sự an ủi vững chắc. Niềm hy vọng ấy chúng ta có như cái neo của linh hồn, vừa chắc chắn vừa kiên cố, và nó đi vào bên trong bức màn; nơi đó Đấng đi trước đã vào vì chúng ta, tức là Giê-su, Đấng đã trở nên Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm đời đời theo ban Mên-chi-xê-đéc. Hê-bơ-rơ 6:13-20.

Sự kêu gọi là lời hứa của Đức Chúa Trời với Áp-ram, và Ngài ban một lời chứng thứ hai bằng “lời thề” theo sau. “Lời thề” theo sau ấy có ba phần. Sau lời kêu gọi của một lời hứa, là bước thứ nhất, thì các bước thứ hai, thứ ba và thứ tư chính là giao ước ba phần mà Đức Chúa Trời lập với một dân được chọn. Trong Sáng-thế Ký mười lăm, Đức Chúa Trời chính thức “cắt” (thiết lập) giao ước qua một nghi thức đầy ấn tượng, trong đó chỉ một mình Ngài đi qua giữa các con vật bị xẻ đôi, vô điều kiện hứa ban đất cho dòng dõi Áp-ra-ham. Đất Hứa được mô tả là vùng đất giữa hai con sông: sông Ai Cập và sông Ơ-phơ-rát. Bước thứ nhất của giao ước ba phần bao hàm một sự quy chiếu trực tiếp đến biểu tượng tiên tri về hai con sông, và tất cả những gì gắn liền với biểu tượng ấy. Khi sự soi dẫn chỉ đến các sông Ulai và Hiddekel như những biển cổ hiện đang trong tiến trình ứng nghiệm, thì hai con sông ấy đã được làm hình bóng trong lời tiên tri của Áp-ram. Bối cảnh là giữa hai con sông của Áp-ram; và khi kết hợp với hai con sông của Đa-ni-ên thì thành bốn con sông, vì tiếng của Đấng Christ là tiếng của nhiều dòng nước.

Trong ngày ấy, Đức Giê-hô-va lập giao ước với Áp-ram, phán rằng: Ta đã ban đất này cho dòng dõi ngươi, từ sông Ê-díp-tô đến sông lớn, tức sông Ơ-phơ-rát: người Kê-nít, người Kê-nít-sít, người Cát-môn, người Hê-tít, người Phê-rê-sít, người Rê-pha-im, người A-mô-rít, người Ca-na-an, người Ghi-rơ-ga-sít, và người Giê-bu-sít. Sáng Thế Ký 15:18-21.

Vùng đất hứa cho Áp-ram là toàn thế giới, được tượng trưng bởi mười vua trong những ngày sau rốt, còn trong những ngày đầu của giao ước thì được liệt kê là mười chi phái, chứ không phải các vua. Một trăm bốn mươi bốn nghìn người sẽ đổi đầu với toàn thế giới. Sau đó, thế giới sẽ bị cuốn vào quá trình thử thách về việc áp đặt thờ phượng ngày Chủ nhật bởi một chính phủ thế giới duy nhất dưới sự chỉ đạo của dân phụ màu đỏ tía trong Khải Huyền mười bảy, kẻ cai trị trên mười vua trên đất. Trong trường hợp của Áp-ram, biểu tượng giáo quyền và quốc quyền của hình tượng con thú được biểu trưng bởi sông Ai Cập, biểu tượng của quyền lực nhà nước, và sông Ba-by-lôn, biểu tượng của giáo quyền.

Sau các việc này, lời của Đức Giê-hô-va đến với Áp-ram trong một khải tượng, phán rằng,

Đừng sợ, Abram: Ta là lá chắn của ngươi, và là phần thưởng vô cùng lớn của ngươi.

Áp-ram nói: Lạy Chúa Trời, Ngài sẽ ban cho con điều gì, vì con không có con, và người quản gia nhà con là Ê-li-ê-se, người Đa-mát? Áp-ram lại nói: Kìa, Ngài chưa ban cho con dòng dõi nào; và kìa, một người sinh trong nhà con là người thừa kế của con. Và kìa, lời của Chúa đến với ông, phán rằng,

Người này sẽ không phải là người thừa kế của ngươi; nhưng người do chính thân thể ngươi sinh ra sẽ là người thừa kế của ngươi. Rồi Ngài đưa ông ra ngoài và nói: Hãy ngược nhìn lên trời và đếm các vì sao, nếu ngươi có thể đếm được; rồi Ngài lại nói với ông: Dòng dõi ngươi sẽ như vậy.

Và ông tin Đức Chúa Trời; và Ngài kể điều ấy cho ông là công chính. Và Ngài phán với ông rằng,

Ta là Chúa đã đưa ngươi ra khỏi Ur của người Canh-đê, để ban cho ngươi đất này làm cơ nghiệp.

Và ông thưa: Lạy Chúa là Đức Chúa Trời, bằng cơ nào để con biết rằng con sẽ thừa hưởng điều ấy? Và Ngài phán với ông rằng,

Hãy lấy cho ta một con bò cái tơ ba tuổi, một con dê cái ba tuổi, một con chiên đực ba tuổi, một con chim cu gáy, và một con chim bồ câu non.

Ông lấy tất cả những thứ ấy, xẻ chúng ra làm đôi, và đặt từng phần đối nhau; còn các chim thì ông không xẻ đôi. Khi các chim trời sà xuống trên các xác, Abram xua đuôi chúng đi. Khi mặt trời sắp lặn, một giấc ngủ sâu ập xuống trên Abram; và kìa, một nổi kinh hoàng của bóng tối dày đặc ập đến trên ông. Và người nói với Abram,

Hãy biết chắc rằng dòng dõi ngươi sẽ làm khách lạ trong một xứ không thuộc về họ, và sẽ phục dịch dân ấy; dân ấy sẽ áp bức họ trong bốn trăm năm. Ta cũng sẽ xét đoán dân tộc ấy, là dân mà họ phục dịch; sau đó họ sẽ ra khỏi đó với nhiều của cải.

Ngươi sẽ về với tổ tiên trong bình an; ngươi sẽ được an táng lúc tuổi già tốt đẹp.

Nhưng đến đời thứ tư, họ sẽ trở lại đây; vì tội ác của người Amorit chưa trọn.

Và đã xảy ra rằng, khi mặt trời đã lặn và trời tối, thì kìa một lò bốc khói và một ngọn đèn đang cháy đi qua giữa những miếng ấy. Sáng thế ký 15:1-17.

Đấng sẽ dẫn dắt Moses và con cái Israel như một cột lửa ban đêm và một đám mây ban ngày đã đi qua giữa những phần đã "cắt" ấy như một lò lửa bốc khói và một ngọn đèn cháy.

Đức Giê-hô-va đi trước họ ban ngày trong trụ mây để dẫn đường; và ban đêm trong trụ lửa để soi sáng, để họ đi cả ngày lẫn đêm. Ngài không cắt trụ mây ban ngày, cũng không cắt trụ lửa ban đêm, khỏi trước mặt dân. Xuất Hành 13:21, 22.

Đèn đang cháy và lò bốc khói là hình bóng của cột mây hay cột lửa và là một yếu tố tiên tri của bước thứ nhất trong ba bước liên quan đến việc Đức Chúa Trời thiết lập giao ước với Áp-ram. Chương này mở đầu bằng lời, "Đừng sợ," vì sứ điệp của thiên sứ thứ nhất là "hãy kính sợ Đức Chúa Trời," và những ai giống như Áp-ram kính sợ Đức Chúa Trời thì sẽ không cần phải sợ Đức Chúa Trời. Có hai loại sợ hãi, vì có hai hạng người.

Xa hơn trong đoạn nói về giao ước, Abram tin Đức Chúa Trời và điều đó được kể cho ông là sự công bình. Ba thiên sứ song song với công tác của Đức Thánh Linh như được Giảng trình bày, người dạy rằng Đức Thánh Linh cáo trách về ba điều: tội lỗi, sự công bình và sự phán xét. Những đặc điểm đó tương ứng với ba thiên sứ, nên sau khi sự kính sợ Đức Chúa Trời được nêu ra trong đoạn giao ước, thì bước thứ hai là sự công bình được xác định, rồi tiếp theo là lời tuyên bố về sự phán xét, là công tác thứ ba của Đức Thánh Linh và là sứ điệp của thiên sứ thứ ba. Bước thứ nhất của giao ước tiêu biểu cho sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, vốn luôn luôn là một fractal của cả ba sứ điệp. Ba bước của tiến trình giao ước đại diện cho ba thiên sứ trong Khải Huyền mười bốn.

Sau khi Áp-ram được kể là công chính, đánh dấu thiên sứ thứ hai, ông chuẩn bị một cửa lễ, vì của lễ được chuẩn bị ngay trước bước thứ ba của sự phán xét. Cửa lễ ấy tượng trưng cho cửa lễ của người Lê-vi trong Ma-la-chi đoạn ba, được giương lên như một kỳ hiệu. Cũng như ba giai đoạn bốn mươi năm trong đời Môi-se tượng trưng cho các sứ điệp của ba thiên sứ, thì bốn mươi năm đầu tiên của Môi-se bao hàm cả ba bước của sứ điệp ba thiên sứ.

Lời chứng của Môi-se bắt đầu với việc cha mẹ ông kính sợ Đức Chúa Trời (bước thứ nhất), tiếp theo là một phép thử trực quan. Bước thứ hai bao gồm một phép thử trực quan, như ở chương một sách Đa-ni-ên, khi Đa-ni-ên trước hết kính sợ Đức Chúa Trời và từ chối ăn chế độ của Ba-by-lôn, rồi được thử dựa trên vẻ bề ngoài của mình. Sau đó, đối với Đa-ni-ên, bài thử thứ ba diễn ra ba năm sau bởi vua Nê-bu-cát-nét-sa, một biểu tượng của vua phương bắc và luật ngày Chủ nhật, tức là sứ điệp của thiên sứ thứ ba.

Cha mẹ của Môi-se kính sợ Đức Chúa Trời, đặt ông vào một chiếc rương nhỏ thả xuống nước, và con gái Pha-ra-ôn được dẫn dắt đến để thấy tình cảnh ấy, rồi phán quyết cứu đứa trẻ. Khởi đầu cuộc đời của Môi-se là một minh họa cho giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập với nhân loại, và rồi, qua Môi-se, Đức Chúa Trời cũng lập một giao ước với một dân tộc được chọn ra từ giữa loài người. Giao ước của Nô-ê với nhân loại tượng trưng cho đoàn dân đông vô số, còn giao ước của Môi-se với một dân được chọn là một trăm bốn mươi bốn nghìn. Lễ vật mà Áp-ram phải dâng để xác nhận giao ước mang dấu hiệu của giao ước Nô-ê, cũng như Môi-se, người đã ứng nghiệm lời

tiên tri của Áp-ram nhiều thế kỷ sau.

Của lễ gồm năm con vật khác nhau: một bò cái tơ ba tuổi, một dê cái ba tuổi, một cừu đực ba tuổi, một chim gáy và một chim bồ câu non. Các con chim được để nguyên con, còn bò cái tơ, cừu đực và dê cái bị “xẻ” làm đôi. Của lễ này tượng trưng cho việc giương cao một tiêu kỳ trong những ngày sau rốt như một phép thử trực quan cho nhân loại. Dấu hiệu trực quan cho con gái Pha-ra-ôn là hài nhi Môi-se trong chiếc thuyền. Con tàu được biểu trưng bằng tám người ở trên đó. Con số “tám” được xác lập như một trong những đặc tính tiên tri của tiêu kỳ của một trăm bốn mươi bốn nghìn. Khi xét đến năm con vật dâng làm của lễ và chẻ ba con làm đôi, thì của lễ trở thành tám phần, như được tiêu biểu bởi Nô-ê, rồi được xác nhận trong của lễ của Áp-ram.

Năm con vật ấy, khi được phân chia theo chỉ dẫn của Đức Chúa Trời, tượng trưng cho con số "tám"; và qua đó, chúng tượng trưng cho những linh hồn vào thời tận thế, vốn đã được tiêu biểu bởi "tám" linh hồn trên con tàu. Dấu hiệu của phép cắt bì, vốn là bước thứ hai trong giao ước ba phần của Áp-ram, phải được thực hiện vào ngày "thứ tám" sau khi sinh; và nghi lễ ấy đã được thay thế bằng phép báp-têm, phép này tiêu biểu cho sự phục sinh của Đấng Christ diễn ra vào ngày "thứ tám". Con số "tám" là một đặc điểm đã được xác lập trong các giao ước của cả Nô-ê lẫn Môi-se, và các giao ước ấy tiêu biểu cho một trăm bốn mươi bốn nghìn người sẽ được giương lên như một của lễ làm kỳ hiệu, và họ là "thứ tám", tức là thuộc về bảy.

Năm con vật ấy tượng trưng cho năm trinh nữ khôn ngoan, những người được tiêu biểu bởi “tám” người trên con tàu, sẽ đi từ một thế giới cũ sang một thế giới mới — mà không thấy sự chết.

Lễ dâng của Áp-ram là một của lễ tinh sạch, vì mọi con vật trong lễ dâng ấy đều là những loài thanh sạch, và cùng nhau chúng đại diện cho những loài vật chủ yếu được dùng cho các của lễ toàn thiêu. Sứ điệp của thiên sứ thứ nhất bao gồm mệnh lệnh thờ phượng Đấng Tạo Hóa; và các loài sinh tế chủ yếu của nghi lễ đền thánh—nghi lễ sẽ được thiết lập khi lời tiên tri của Áp-ram được ứng nghiệm vào thời Môi-se—được nêu ra như những của lễ thờ phượng, đồng thời tiêu biểu cho lời kêu gọi của thiên sứ thứ nhất thờ phượng Đấng Tạo Hóa.

Câu mười tám nói rõ: “Trong ngày ấy, Đức Chúa Trời đã lập giao ước với Áp-ram.” Điều đó đánh dấu bước thứ nhất trong ba bước tiêu biểu cho ba thiên sứ của Khải Huyền mười bốn. Bước giao ước trong Sáng Thế Ký mười lăm tượng trưng cho sứ điệp của thiên sứ thứ nhất trong Khải Huyền mười bốn, kể đó là thiên sứ thứ hai, được tiêu biểu bởi bước thứ hai của giao ước Áp-ram, được ghi lại trong Sáng Thế Ký mười bảy.

Ở bước thứ hai, tên Áp-ram được đổi thành Áp-ra-ham. Áp-ram nghĩa là “người cha được tôn cao,” còn Áp-ra-ham nghĩa là “cha của nhiều dân tộc.” Khi Áp-ram được kêu gọi, lời hứa sẽ trở thành một dân lớn đã được ban, nhưng lời hứa ấy chưa được xác nhận cho đến khi tên Áp-ram được đổi. Bây giờ ông trở thành tổ phụ đầu tiên của một dân giao ước được chọn. Bước tiếp theo tiêu biểu cho sứ điệp của thiên sứ thứ ba khi Áp-ra-ham được thử thách qua việc dâng Y-sác làm tế lễ, điều đó tiêu biểu cho thập tự giá, điều đó lại tiêu biểu cho ngày 22 tháng 10 năm 1844, và điều này tiêu biểu cho luật Chủ nhật—chính là sứ điệp của thiên sứ thứ ba. Bước giao ước thứ ba ấy đã được ứng nghiệm vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, và được nêu ra trong Sáng-thế Ký 22.

Trong bước thứ hai, tức sứ điệp của thiên sứ thứ hai—khi tên của Abram được đổi—nghị thức cắt bì được thiết lập như “dấu hiệu” của một dân giao ước và mối quan hệ của họ với Đức Chúa Trời. Chính trong lịch sử của sứ điệp thiên sứ thứ hai mà dân sự của Đức Chúa Trời được ấn chứng. Họ được giương lên như một tiêu kỳ tại sứ điệp thiên sứ thứ ba, được biểu trưng bởi luật Chủ nhật, nhưng họ được ấn chứng trong thời kỳ ngay trước luật Chủ nhật, mà trong lịch sử Millerite sẽ là ngay trước khi cánh cửa đóng lại vào ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Điều tương tự cũng đúng với ba sắc lệnh được ban ra từ Ba-by-lôn đã khởi đầu lời tiên tri 2300 năm, lời ấy kết thúc khi thiên sứ thứ ba đến vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Đền thờ được hoàn tất trong thời kỳ của sắc lệnh thứ hai, sau sắc lệnh thứ nhất nhưng trước sắc lệnh thứ ba. Nền móng được đặt trong thời của sắc lệnh thứ nhất, và việc xây dựng đền thờ được hoàn tất trong thời kỳ của sắc lệnh thứ hai. Sắc lệnh thứ ba vào năm 457 TCN khởi đầu 2300 năm, đồng thời chính sắc lệnh ấy trả lại chủ quyền quốc gia cho người Do Thái. Tại cột mốc thứ ba, một vương quốc được thiết lập, điều này được thể hiện qua việc khôi phục chủ quyền quốc gia tại sắc lệnh thứ ba và việc nâng Hội Thánh đặc thánh lên làm cờ hiệu tại đạo luật Chủ nhật.

Sắc lệnh thứ ba là hình bóng về việc thiên sứ thứ ba đến dự hôn lễ vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Cô dâu tự chuẩn bị mình trước hôn lễ, chứ không phải ngay tại hôn lễ. Sự đóng ấn cho một trăm bốn mươi bốn nghìn được hoàn tất ngay trước luật ngày Chủ nhật, trong thời kỳ được trình bày theo lời tiên tri như là cuộc thử thách hình tượng con thú. Chúng ta được cho biết rằng cuộc thử thách hình tượng con thú là bài thử mà chúng ta phải vượt qua trước khi thời kỳ ân điển khép lại.

Chúa đã tỏ cho tôi rõ ràng rằng hình tượng của con thú sẽ được hình thành trước khi kỳ ân điển kết thúc; vì đó sẽ là cuộc thử thách lớn đối với dân sự của Đức Chúa Trời, qua đó vận mệnh đời đời của họ sẽ được định đoạt. Lập trường của bạn là một mớ lộn xộn đầy mâu thuẫn đến nỗi chỉ có rất ít người bị lừa dối.

Trong sách Khải Huyền 13, vấn đề này được trình bày một cách rõ ràng; [Khải Huyền 13:11-17, trích dẫn].

Đây là bài thử mà dân sự của Đức Chúa Trời phải trải qua trước khi họ được đóng ấn. Tất cả những ai chứng tỏ lòng trung thành với Đức Chúa Trời bằng cách tuân giữ luật pháp của Ngài và từ chối chấp nhận một ngày Sa-bát giả mạo, sẽ quy tụ dưới ngọn cờ của Chúa là Đức Chúa Trời Giê-hô-va, và sẽ nhận ấn của Đức Chúa Trời hằng sống. Những ai từ bỏ lễ thật có nguồn gốc từ trời và chấp nhận ngày Sa-bát Chủ nhật sẽ nhận dấu của con thú. Manuscript Releases, quyển 15, 15.

Cánh cửa đã đóng vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, tượng trưng cho cánh cửa đóng lại khi luật ngày Chủ nhật được ban hành. Bà White nói rằng thử nghiệm về ảnh tượng con thú là thử nghiệm mà chúng ta phải vượt qua “trước khi” thời kỳ ân điển chấm dứt, và bà cũng nói rằng chính thử nghiệm ấy là nơi số phận đời đời của chúng ta được quyết định. Trước khi luật ngày Chủ nhật được ban hành, cô dâu tự chuẩn bị mình, và điều này đòi hỏi phải có áo cưới thích hợp, một chiếc áo sẽ được thanh tẩy bởi lửa luyện lọc của Sứ giả Giao ước. Dấu ấn được đóng trước lễ cưới, rồi lễ cưới diễn ra khi luật ngày Chủ nhật được ban hành.

Bà White xác định rằng việc đóng ấn là sự vững lập trong lẽ thật cả về trí tuệ lẫn thuộc linh. Bà còn cho biết rằng 'khi' dân của Đức Chúa Trời được đóng ấn, 'thì' sự rung chuyển do các phán xét của Đức Chúa Trời sẽ đến. Sự rung chuyển ấy chính là các phán xét khởi đầu từ trận động đất trong Khải Huyền chương 11, tức là luật Chủ nhật tại Hoa Kỳ.

Đền thờ của phái Millerite đã được hoàn tất vào thời điểm Tiếng kêu lúc nửa đêm, cho thấy rằng ấn được đóng trước mốc phán xét thứ ba. Trong giao ước của Áp-ra-ham, bước phán xét thứ ba là Y-sác trên núi Mô-ri-a, như một hình bóng không chỉ về Đấng Christ trên thập tự giá, mà còn về lễ dâng của người Lê-vi trong Ma-la-chi chương ba.

Ngài sẽ ngồi như thợ luyện và tẩy luyện bạc; Ngài sẽ thanh luyện con cháu Lê-vi, gạn lọc họ như vàng và bạc, để họ dâng lên Đức Chúa Trời một của lễ trong sự công chính. Bấy giờ của lễ của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem sẽ đẹp lòng Đức Chúa Trời, như trong những ngày xưa, như những năm trước kia.

Ta sẽ đến gần các ngươi để xét xử; Ta sẽ mau chóng làm chứng chống lại những kẻ phù thủy, những kẻ ngoại tình, những kẻ thề dối; chống lại những kẻ áp bức người làm thuê về tiền công, người góa bụa và kẻ mồ côi; những kẻ tước đoạt quyền lợi của người ngoại kiều và không kính sợ Ta, Đức Chúa các đạo quân phán. Ma-la-chi 3:3-5.

Sau quá trình thanh tẩy, của lễ sẽ 'bấy giờ' như thuở xưa, và của lễ được chuẩn bị trong giai đoạn phán xét cuối cùng, vì chính khi ấy, những người Lê-vi đã được thanh tẩy và được chuẩn bị như một của lễ sẽ được đối chiếu với những trinh nữ dại mà Đấng Christ sẽ làm một "chứng nhân mau lẹ" chống lại. "Chứng nhân mau lẹ" đó chính là "chứng nhân thành tín cho hội thánh Lao-đi-xê," Đấng ném Sép-na như một quả bóng vào một cánh đồng xa, và phun mưa những người Lao-đi-xê ra khỏi miệng Ngài. Sự phân rẽ giữa lúa mì và cỏ lùng sẽ diễn ra nhanh chóng, vì các diễn biến cuối cùng diễn ra rất nhanh. Vị sứ giả mau lẹ ấy chính là Đấng bỗng nhiên đến đền thờ Ngài trong Ma-la-chi đoạn ba.

Việc giương lên của lễ trong sách Ma-la-chi "như thuở xưa" chính là việc giương cờ hiệu của một trăm bốn mươi bốn ngàn; đó là việc giương lên hai ổ bánh của lễ vầy trong Lễ Ngũ Tuần; đó là việc giương con rắn trên cây sào trong đồng vắng; đó là việc giương cao Đấng Christ trên thập tự giá, và đó là việc giương cao Shadrach, Meshack và Abednego trong lò lửa hừng cùng với Đấng Christ, trong khi cả thế gian đều kinh ngạc và lấy làm lạ; đó là sự xuất bản biểu đồ năm 1843, và là mục đích dự định cho biểu đồ năm 1850.

Chính ở bước thứ hai của Giao ước Áp-ra-ham, nghi thức cắt bì được thiết lập và áp dụng, nhờ đó trở thành dấu hiệu của giao ước. Khác với Môi-se, Áp-ra-ham đã lập tức cắt bì cho Y-sác, để khi ông dâng con làm của lễ ở bước thứ ba, Y-sác sẽ mang lấy dấu ấy. Dấu hiệu đó về sau được thay thế bằng phép báp-têm; cả hai cùng nhau trở thành hai chứng nhân cho dấu của thập tự giá.

"Ấn của Đức Chúa Trời hằng sống, được đặt trên trán của dân Ngài, là gì? Đó là một dấu mà các thiên sứ có thể đọc, nhưng mắt loài người thì không; vì thiên sứ hủy diệt phải nhìn thấy dấu ấn cứu chuộc này. Tâm trí thông sáng đã thấy dấu hiệu của thập giá Canvê nơi các con trai và con gái được Chúa nhận làm con nuôi. Tội lỗi của sự vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời đã được cất bỏ. Họ mặc áo cưới và vâng phục, trung tín đối với mọi điều răn của Đức Chúa Trời."

Bản Phát Hành Bản Thảo, số 21, 51.

Trong bước đầu tiên của giao ước ở Sáng thế ký 15, một lời tiên tri về thời kỳ bốn trăm năm trong cảnh nô lệ được chỉ ra, và Paul xác định cùng thời kỳ đó là bốn trăm ba mươi năm. Cách tính của Paul bắt đầu từ sự kêu gọi trong Xuất Ê-díp-tô ký 12, vì ông bao gồm thời gian kiều ngụ của Abram. Khi xem xét kỹ, bốn trăm năm gắn với ba mươi năm là một biểu tượng do Paul nêu ra, còn bốn trăm năm do Abram nêu ra là một biểu tượng khác. Vậy, thời kỳ bốn trăm năm đại diện cho điều gì, thời kỳ bốn trăm ba mươi năm đại diện cho điều gì, và ba mươi năm đại diện cho điều gì?

Các học giả đã chứng minh một cách thuyết phục rằng bốn trăm ba mươi năm có thể được chia thành hai giai đoạn, mỗi giai đoạn hai trăm mười lăm năm: giai đoạn thứ nhất không phải chịu xiềng xích và nô lệ, còn giai đoạn thứ hai là thời kỳ nô lệ.

Áp-ra-ham vào đất Ca-na-an khi 75 tuổi, và Y-sác được sinh ra khi Áp-ra-ham 100 tuổi (25 năm sau). Gia-cóp được sinh ra khi Y-sác 60 tuổi, và Gia-cóp vào Ai Cập khi ông 130 tuổi. Như vậy là 215 năm ở Ca-na-an và 215 năm ở Ai Cập, tổng cộng 430 năm. Đối với người học về lời tiên tri, điều này cung cấp hai lời chứng, từ hai biểu tượng giao ước, cho Phao-lô, cũng như Áp-ram đã được đổi tên. Phao-lô nêu 430 còn Áp-ram 400. Sự ứng nghiệm theo từng dòng của hai lời tiên tri về thời gian có liên hệ này gắn với thời kỳ của giao ước thứ nhất, dẫn đến việc thiết lập dân được Đức Chúa Trời chọn.

Khi Đấng Christ bước vào lịch sử để xác nhận giao ước với nhiều người trong một tuần lễ, tuần lễ ấy tượng trưng cho hai lời tiên tri về thời gian có liên hệ với nhau. Lời tiên tri 430 năm của Phao-lô có thể được chia thành hai phần bằng nhau, giống như tuần lễ của Đấng Christ: 215 năm tại Ca-na-an tiếp theo là 215 năm tại Ai Cập, tiêu biểu cho việc Đấng Christ đích thân làm chứng trong 1260 ngày, rồi tiếp theo là 1260 ngày Đấng Christ làm chứng qua con người các môn đồ của Ngài. 2520 ngày Đấng Christ xác nhận giao ước cũng tượng trưng cho “bảy lần”, tức là “sự tranh cãi của giao ước Ngài”.

Từ năm 723 TCN đến năm 1798 là 2520 năm, và khoảng thời gian ấy được chia thành hai thời kỳ, mỗi thời kỳ 1260 năm, tượng trưng cho việc ngoại giáo chà đạp đền thánh và đạo binh trong 1260 năm, rồi đến chủ nghĩa giáo hoàng chà đạp đền thánh và đạo binh trong 1260 năm. Điểm giữa của tuần lễ của Đấng Christ là thập tự giá, và điểm giữa của tuần lễ (538) đưa đến 1260 năm lời chứng của ngoại giáo, tiếp theo là 1260 năm lời chứng của ngoại giáo từ môn đồ của ngoại giáo là chủ nghĩa giáo hoàng. Khi vương quốc ân điển của Đấng Christ được trao quyền tại thập tự giá, điều đó là hình bóng cho năm 538, khi vương quốc của kẻ chống Đấng Christ được trao quyền. Tại thập tự giá, Y-sơ-ra-ên theo huyết thống bị bỏ qua và Y-sơ-ra-ên thuộc linh bắt đầu. Năm 538, ngoại giáo hữu hình bị bỏ qua, và ngoại giáo thuộc linh bắt đầu.

Lời tiên tri của Áp-ram về bốn trăm năm cũng được tính là bốn trăm ba mươi năm. Đó là cùng một lời tiên tri, nhưng được trình bày qua hai biểu tượng giao ước. Hai lời tiên tri về thời kỳ có liên hệ với nhau ấy xác định cảnh nô lệ và sự giải cứu của dân Đức Chúa Trời, điều sẽ được ứng nghiệm vào buổi đầu lịch sử giao ước của Y-sơ-ra-ên xưa. Vào cuối lịch sử giao ước của Y-sơ-ra-ên xưa, có một lời tiên tri về thời kỳ tương ứng với một lời khác theo nguyên tắc một ngày tính như một năm, qua đó xác định hai lời tiên tri về thời kỳ nhấn mạnh sự giải cứu và sự nô lệ.

Ở giai đoạn giữa của lịch sử về sự khởi đầu và kết thúc của Israel cổ đại, chúng ta thấy Đa-ni-ên trong cảnh lưu đày tại Ba-by-lôn. Từ lịch sử giao ước ấy, vốn xác định cảnh nô lệ và lời hứa giải cứu, lời tiên tri gắn kết lịch sử giao ước của Israel cổ với lịch sử giao ước của Israel hiện đại được trình bày. Trong sách Đa-ni-ên, có hai lời tiên tri về thời kỳ được nêu ra. “Lời thề” về “bảy lần” của Môi-se trong Lê-vi Ký 26 được nhận diện trong Đa-ni-ên 9:11, cũng như câu hỏi ở câu 13 trong Đa-ni-ên 8, dẫn đến câu trả lời ở câu 14, xác định lời tiên tri 2300 năm. “Lời thề” ấy, nếu bị vi phạm, là “lời nguyện của Môi-se” trong Đa-ni-ên 9:11, đã được áp dụng vào năm 677 TCN đối với vương quốc miền nam và kết thúc vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, cũng như kỳ 2300 năm. Cả hai cuộc tàn lạc 2520 đều nằm trong câu hỏi ở câu 13, và câu trả lời của câu 14 là 2300.

Cũng như Môi-se, Anpha của lịch sử giao ước Israel cổ đại, và cũng như Đấng Christ, Ômêga của lịch sử giao ước ấy, lịch sử Anpha của Israel hiện đại bao gồm hai lời tiên tri thời gian có liên hệ với nhau. Một lời tượng trưng cho cảnh nô lệ, còn lời kia cho sự giải phóng. Việc phân chia 430 năm thành hai thời kỳ bằng nhau trong lịch sử Anpha của Israel cổ đại tiêu biểu cho sự phân chia mang tính tiên tri được lặp lại trong tuần lễ khi Đấng Christ xác nhận giao ước, và cho giai đoạn xét đoán có liên hệ vì sự bội ước, vốn cũng được chia thành hai phần bằng nhau; những điều ấy đưa ra hai bằng chứng rằng lịch sử Anpha của Israel hiện đại sẽ có một nền tảng tiên tri tương tự. Việc 2520 năm và 2300 năm cùng kết thúc cung cấp bằng chứng thứ ba về hai lời tiên tri thời gian có liên hệ với nhau, trong đó có một lời tiên tri được chia đều ở chính giữa.

Ba nhân chứng sẽ khiến một linh hồn kỳ vọng rằng, khi Chúa lập giao ước với một trăm bốn mươi bốn nghìn trong lịch sử Ômêga của Israel hiện đại, sẽ có hai lời tiên tri về thời kỳ tiên tri, có liên hệ với nhau, và một thời kỳ liên hệ được chia thành hai phần bằng nhau; nhưng điều đó không thể như thế được, vì khi Chúa lập giao ước với Israel hiện đại, Ngài giơ tay lên trời và tuyên bố rằng thời gian sẽ không còn nữa.

Giao ước của một trăm bốn mươi bốn nghìn người được biểu trưng bằng hai ổ bánh dâng vẩy của lễ dâng đầu mùa bằng lúa mì. Cấu trúc tiên tri gồm ba chứng nhân, tiếp theo là một cặp chứng nhân không có sự phân định về thời gian tiên tri, được thấy trong lễ dâng của Áp-ram: một bò cái tơ (được chẻ làm đôi), một dê cái (được chẻ làm đôi), và một chiên đực (được chẻ làm đôi), rồi đến một chim gáy và một chim bồ câu.

Ba của lễ đầu tiên đều có ba năm gắn liền với ý nghĩa biểu tượng của chúng, cho thấy chúng đại diện cho ba của lễ mang thời kỳ tiên tri. Không chỉ cả ba của lễ đều mang thời kỳ tiên tri, mà mỗi của lễ còn có thời kỳ ấy được chia đều thành hai giai đoạn. Chim cu gáy và chim bồ câu thì không gắn tuổi; chúng chỉ cần còn non, vì chúng tượng trưng cho thế hệ cuối cùng của dân giao ước, được biểu trưng bằng hai con chim, hoặc hai bầy.

Hai bầy biểu trưng cho đoàn dân đông vô kể và một trăm bốn mươi bốn nghìn, nhưng hai con chim lại mang một ý nghĩa phụ. Chim bồ câu là một trong những lễ vật dâng cho đền thánh, và khi bạn tra xem cách xác định chim bồ câu như một lễ vật, thì thường nó chỉ một loài chim cu gáy; trong khi chim bồ câu trong lễ dâng của Áp-ram lại chỉ một con chim non đến mức chưa có lông, hoặc tệ hơn là một con chim đã bị vặt hết lông. Ở cấp độ tiên tri này, hai con chim ấy là lúa mì và cỏ lùng.

Trong những ngày sau rốt, ngọn cờ sẽ được giương lên đến các tầng trời như một con chim, và điều đó sẽ xảy ra đúng vào lúc hai con chim ô ướ sắp nâng Sự Gian Ác lên và đặt bà trên ngai của bà tại Shinar.

Bấy giờ vị thiên sứ đã nói chuyện với tôi đi ra và bảo tôi: Hãy ngược mắt lên, và xem điều gì đang đi ra. Tôi nói: Ấy là gì? Người đáp: Đây là một ê-pha đang đi ra. Người lại nói thêm: Đây là diện mạo của họ khắp trên mặt đất. Và kìa, có một ta-lâng chì được nhắc lên; và đây là một người đàn bà ngồi ở giữa ê-pha.

Người nói: Đây là sự gian ác. Người ném nó vào giữa cái ê-pha; và người ném cục chì nặng lên miệng nó.

Bấy giờ tôi ngược mắt lên, nhìn, và kìa, có hai người đàn bà bước ra; gió ở trong cánh của họ, vì họ có cánh như cánh cò; và họ nâng cái ê-pha lên giữa trời và đất. Bấy giờ tôi hỏi thiên sứ đang nói với tôi: “Họ mang cái ê-pha ấy đi đâu?” Ngài đáp với tôi: “Để xây cho nó một ngôi nhà trong xứ Shinar; và nó sẽ được lập nên, đặt ở đó trên nền riêng của nó.” Xa-cha-ri 5:5-11.

Giáo hoàng quyền, được mô tả là “sự gian ác”, hoặc bởi Phao-lô là “kẻ gian ác”, đã nhận vết thương chí tử vào năm 1798, khi một ta-lâng chì được đặt lên trên cái giỏ mà người đàn bà ấy ngồi trong đó. Sau đó, thuyết cầu hồn và chủ nghĩa Tin Lành bội đạo sẽ nâng bà ta lên và xây cho bà ta một ngôi nhà tại Si-na-a, đúng vào lúc Đức Chúa Trời hoàn tất việc xây dựng ngôi nhà mà Ngài sẽ giương lên như một cờ hiệu. Trong sách Xa-cha-ri, cờ hiệu giả mạo là người đàn bà của sự gian ác, còn cờ hiệu thì được biểu trưng bằng những con bò cày. Bấy giờ thế gian sẽ phải lựa chọn giữa Rôma, là lồng giam của mọi loài chim ô ướ và đáng ghét, hoặc con bò cày, biểu tượng của giao ước của Đức Chúa Trời với loài người.

Người kêu lớn tiếng, rằng: Ba-by-lôn lớn đã sụp đổ, đã sụp đổ, và đã trở nên chỗ ở của ma quỷ, nhà giam của mọi tà linh ô ướ, và lồng của mọi loài chim dơ bẩn và đáng ghét. Khải Huyền 18:2.

Liên hệ đến sự chết và sự phục sinh của Ngài, Đấng Christ đã phán: ‘Hãy phá đền thờ này đi, Ta sẽ dựng lại nó trong ba ngày.’ Ba ngày ấy tượng trưng cho một thời kỳ tiên tri khi một đền thờ được dựng lên, như đã xảy ra với Môi-se, với Đấng Christ và với phái Millerite. Yêu cầu “ba tuổi” cho của lễ của Áp-ram gồm một bò cái tơ, một dê cái và một chiên đực biểu thị rằng trong mỗi một trong ba lịch sử giao ước mà chúng ta đang xem xét, sẽ có một đền thờ được dựng lên. Đền thờ giao ước cuối cùng của một trăm bốn mươi bốn ngàn là cờ hiệu được giương lên như một mào miện hướng lên trời. Vì lý do này; bò cái tơ, dê cái và chiên đực là những thú thuộc về đất, qua đó phân biệt với các loài chim bay trên trời. Đền thờ giao ước được dựng lên trong những ngày sau rốt là khi Giê-ru-sa-lem được nâng lên cao hơn mọi núi đồi.

Mặc dù tôi chưa xác định hết mọi yếu tố của bước thứ nhất trong ba bước của giao ước Áp-ram, nhưng cho đến nay, mọi yếu tố chúng ta đã xem xét đều có một yếu tố tương ứng trong phần khởi đầu và phần kết thúc của Y-sơ-ra-ên xưa theo nghĩa đen, cũng như trong phần khởi đầu của Y-sơ-ra-ên hiện đại. Chúng ta đã cho thấy ba bước của các thiên sứ trong Khải Huyền chương mười bốn trong bước giao ước thứ nhất của Áp-ram. Mẫu hình fractal của ba thiên sứ hiện diện trong bước giao ước thứ nhất của Áp-ram sẽ càng được củng cố rõ ràng hơn khi chúng ta xem xét

các bước giao ước thứ hai và thứ ba của Áp-ram.

Tám của lễ mà Áp-ram dâng không chỉ tượng trưng cho những của lễ sau này trở thành một phần của các nghi lễ trong đền tạm do Môi-se thiết lập, mà còn xác định và xác nhận vai trò của thời kỳ tiên tri trong câu chuyện về dân giao ước của Đức Chúa Trời. Chúng xác nhận điểm khởi đầu và các điểm kết thúc của Israel như dân được Đức Chúa Trời chọn, dù theo nghĩa đen hay nghĩa thuộc linh.

430 năm của Phao-lô là một thời kỳ tiên tri không thể tách biệt về mặt logic khỏi 400 năm của Áp-ram. Khi chồng lên nhau, chúng tạo ra một giai đoạn ba mươi năm, tiếp theo là bốn trăm năm. Chúng ta sẽ tiếp tục từ đây trong bài viết tiếp theo.

"Những lời tiên tri được ghi chép trong Cựu Ước là lời của Chúa dành cho những ngày sau rốt, và sẽ được ứng nghiệm chắc chắn như chúng ta đã chứng kiến cảnh hoang tàn của San Francisco." Thư 154, ngày 26 tháng 5 năm 1906.